



Ký bởi: *.phuyen.gov.vn

Ngày ký: 21/02/2025 16:22:58 +0700

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Tỉnh Phú Yên

Số 6 + 7 + 8

Ngày 23 tháng 01 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- | | | |
|------------|---|----|
| 16/01/2025 | Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND Ban hành Quy định về Phương pháp xác định dân số trong các toà nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp trên địa bàn tỉnh Phú Yên | 3 |
| 21/01/2025 | Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND Quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn và Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn... | 8 |
| 21/01/2025 | Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên | 21 |

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- | | | |
|------------|--|----|
| 22/01/2025 | Quyết định số 79/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài chính y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế | 29 |
|------------|--|----|

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

16/01/2025	Quyết định số 47/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng	34
17/01/2025	Quyết định số 51/QĐ-UBND Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và sửa đổi, bổ sung giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế	70
17/01/2025	Quyết định số 53/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2024	145
22/01/2025	Quyết định số 78/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải	176

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:05/2025/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 16 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về Phương pháp xác định dân số trong các toà nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 04:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nhà chung cư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 89/TTr-SXD ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc ban hành Quy định về phương pháp xác định dân số trong các toà nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phương pháp xác định dân số trong các toà nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 01 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, thủ trưởng các cơ quan thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã,

thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phương pháp xác định dân số trong các tòa nhà chung cư,
nhà chung cư hỗn hợp trên địa bàn tỉnh Phú Yên**
(Kèm theo Quyết định số: 05/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phương pháp xác định dân số đối với nhà chung cư được xây dựng với mục đích để ở, nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng nhà chung cư.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc và thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp nêu tại Điều 1.

Điều 3. Nguyên tắc xác định dân số đối với nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp

Phương pháp xác định dân số đối với nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp trên địa bàn tỉnh Phú Yên phải đảm bảo nguyên tắc:

1. Kiểm soát dân số theo chỉ tiêu đã được xác định tại quy hoạch cấp trên được phê duyệt; đảm bảo thống nhất trong toàn bộ quy trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư xây dựng.

2. Phù hợp với dự báo và thực tiễn phát triển dân số trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; tránh tập trung và quá tải về dân số đối với dự án và khu vực.

3. Dễ hiểu, dễ áp dụng trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc và thực hiện dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Phương pháp xác định dân số đối với nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp

Dân số nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{S}{S_{tb}}$$

Trong đó:

P: Dân số toà nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp (người);

S: Tổng diện tích sàn của tòa nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp (m^2);

S_{tb} : Diện tích sàn nhà ở bình quân cho mỗi người (m^2 sàn/người) căn cứ theo Chương trình phát triển nhà ở được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại thời điểm lập quy hoạch, lập phương án.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các trường hợp đã được xác định dân số tại các đồ án quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, dự án đầu tư được phê duyệt, chấp thuận trước thời điểm quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt.

2. Trường hợp các quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc, dự án đầu tư được phê duyệt, chấp thuận trước thời điểm quy định này có hiệu lực nhưng được cấp thẩm quyền cho phép điều chỉnh từ sau thời điểm quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

a) Thực hiện chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc trong việc áp dụng quy định Phương pháp xác định dân số trong các tòa nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định về phương pháp xác định dân số đối với các tòa nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các quy định về phương pháp xác định dân số tại các tòa nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

d) Kiểm tra, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh đối với việc áp dụng quy định này trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình các nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với các trường hợp áp dụng quy định này không phù hợp.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm:

a) Triển khai thực hiện quy định về Phương pháp xác định dân số trong các tòa nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp trên địa bàn tỉnh Phú Yên, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình và quản lý xây dựng nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý theo phân cấp, bảo đảm các nội dung tại Quy định này.

b) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định của các chủ đầu tư xây dựng dự án nhà ở chung cư, chung cư hỗn hợp theo quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng được duyệt cũng như trong quá trình khai thác, sử dụng công trình thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

c) Kịp thời tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, gửi Sở Xây dựng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh có liên quan có trách nhiệm căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi quản lý ngành./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:06/2025/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn và Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải (tại Tờ trình số 149/TTr-SGTVT ngày 31/12/2024).*

QUYẾT ĐỊNH**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn theo điểm b khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ và quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác theo khoản 5 Điều 30 Luật Đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến: quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn; chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quản lý các đường đô thị, đường huyện trên địa bàn quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đường xã, đường thôn trên địa bàn quản lý.

Điều 4. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác theo hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp (qua hệ thống

bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo quy định tại Mẫu số 1 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Hồ sơ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công công trình nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác, bao gồm: thuyết minh thiết kế, bản vẽ thiết kế nút giao đầu nối và bản vẽ hoàn trả kết cấu hạ tầng đường địa phương, bản vẽ tổ chức giao thông tại nút giao đầu nối, hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất (nếu có); văn bản/quyết định chấp thuận vị trí đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trừ vị trí đầu nối không phải chấp thuận theo quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Văn bản giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác.

2. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường tỉnh và các tuyến đường khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

3. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Đối với hồ sơ nộp gián tiếp, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ, có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối theo quy định tại Mẫu số 2 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối có thời hạn 18 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chưa gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác theo quy định tại Điều 5 của Quyết định này hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao.

5. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác:

a) Đối với nút giao đầu nối thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ trên đường địa phương đang khai thác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

b) Đối với nút giao đầu nối thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là người có thẩm quyền quyết định đầu tư kết nối với đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn.

c) Đối với nút giao đầu nối thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ do Ủy ban Nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư kết nối với đường xã, đường thôn.

Điều 5. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác theo hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp (qua hệ thống bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến) đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo quy định tại Mẫu số 3 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Thuyết minh và bản vẽ biện pháp tổ chức thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác; biện pháp bảo đảm giao thông đường bộ khi thi công xây dựng nút giao đầu nối.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác:

a) Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh và các tuyến đường khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

3. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

b) Đối với hồ sơ nộp gián tiếp, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xem xét hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối theo quy định tại Mẫu số 4 của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác:

a) Đối với nút giao đầu nối thuộc dự án đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối bằng tiến độ thực hiện dự án;

b) Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công đầu nối không quá 24 tháng kể từ ngày được cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác;

c) Hết thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công mà chưa hoàn thành thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục cấp phép thi công.

Điều 6. Tổ chức thi công, nghiệm thu và quản lý, bảo trì nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác

1. Nút giao đầu nối phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường. Chịu trách nhiệm nếu để xảy ra hậu quả do không xử lý, khắc phục các yếu tố gây mất an toàn giao thông đường bộ trong thời gian thi công.

3. Chủ sử dụng nút giao (cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác sử dụng) chịu trách nhiệm bảo trì nút giao. Việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa phải đề nghị cấp phép thi công; khi cải tạo, nâng cấp nút giao đầu nối phải đề nghị chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện xây dựng nút giao đầu nối

1. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

Sở Giao thông vận tải căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước chuyên ngành, có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Tổ chức thực hiện việc chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Quyết định này.

b) Chủ đầu tư, chủ sử dụng nút giao đối với đường địa phương đang khai thác có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kịp thời việc điều chỉnh nâng cao an toàn giao thông nút giao (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

c) Phối hợp với các cơ quan quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với nút giao kết nối vào đường địa phương đang khai thác thuộc phạm vi quản lý theo đúng thẩm quyền.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 02 năm 2025.

2. Những nội dung không được đề cập tại Quyết định này, được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số:06/2025/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 01 năm 2025)

**Mẫu số 01. Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa
đang khai thác**

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm 202...

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ NÚT GIAO ĐẦU NỐI
VÀO ĐƯỜNG ĐỊA PHÝỞNG ĐANG KHAI THÁC**

**Về việc đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào... (ghi bên
trái/hoặc bên phải tuyến Km... (ghi lý trình) của tuyến đyờng..... (ghi tên, số
hiệu đyờng bộ)**

Kính gửi: (Ghi tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế nút
giao vào đyờng bộ đang khai thác)

Căn cứ Luật Đyờng bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của
UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quyết định Quy định việc quản lý đyờng đô
thị, đyờng huyện, đyờng xã, đyờng thôn và Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận
thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đyờng địa phýởng
đang khai thác trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Căn cứ... (ghi các văn bản/quyết định chấp thuận vị trí nút giao đầu nối; dự án
đầu tỵ xây dựng có nút giao đầu nối, văn bản giao chủ đầu tỵ xây dựng nút giao đầu
nối);

Căn cứ hồ sơ thiết kế... (ghi tên công trình nút giao đầu nối) kèm theo tài liệu
quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4 của Quyết định này, do (3)... (ghi tên
tổ chức tỵ vận lập, trýờng hợp thiết kế đã đýợc thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ số
quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt;

(2)... (ghi cơ quan đề nghị) đề nghị chấp thuận thiết kế của nút giao đầu nối
vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km... (ghi lý trình) của tuyến đyờng....
... (ghi tên, số hiệu đyờng bộ)... do tổ chức tỵ vận... lập (trýờng hợp thiết kế đã
đýợc thẩm định và phê duyệt thì ghi rõ số quyết định duyệt, cơ quan đã phê duyệt)
và đýợc gửi kèm theo văn bản đề nghị này.

(2)... (ghi tên đơn vị ký đõn) cam kết thực hiện đúng văn bản chấp thuận thiết
kế nút giao đầu nối, sửa đổi, bổ sung đầy đủ báo hiệu đyờng bộ và công trình an
toàn giao thông tại nút giao đầu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công
nút giao đầu nối trýớc khi tổ chức thi công nút giao đầu nối, thực hiện các biện
pháp bảo đảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đầu nối,
bảo vệ môi trýờng; không yêu cầu bồi thýờng, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối
với các hạng mục kết cấu hạ tầng đyờng bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu

nói, đồng thời khắc phục các tồn tại nếu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đầu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền)

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

(...2...)

Nơi nhận:

-Nhý trên;

-

- Lýu VT.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị (nếu có);

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác (do chủ đầu tư đứng đơn);

(3) Tên tổ chức tư vấn.

Mẫu số 02. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đờng địa phýõng ðang khai thác

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số:/.....
, ngày tháng năm 202...

Về việc chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào ... (ghi bên trái/hoặc bên phải uyến Km... (ghi lý trình) của tuyến đờng.... ghi tên, số hiệu đờng bộ)

Kính gửi : - (ghi tên ðơn vị ðề nghị chấp thuận nút giao đầu nối);

Căn cứ Luật Đờng bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Quyết ðịnh số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quyết ðịnh Quy ðịnh việc quản lý đờng đô thị, đờng huyện, đờng xã, đờng thôn và Quy ðịnh trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao ðối với đờng địa phýõng ðang khai thác trên ðịa bàn tỉnh Phú Yên;

Căn cứ... (ghi các văn bản/quyết ðịnh chấp thuận vị trí nút giao đầu nối; dự án ðầu tư xây dựng có nút giao đầu nối, văn bản giao chủ ðầu tư xây dựng nút giao đầu nối);

Sau khi xem xét thiết kế của nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km... (ghi lý trình) của tuyến ðờng.... ... (ghi tên, số hiệu ðờng bộ)..... (ghi cơ quan chấp thuận) chấp thuận nút giao đầu nối với các nội dung sau:

1. Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km... (ghi lý trình) của ðờng địa phương.... ... (ghi tên, số hiệu ðờng bộ) kèm theo các yêu cầu khác tại các mục a), b), c)... văn bản này;

2. Các yêu cầu khác ðối với tổ chức, cá nhân ðược chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối tại mục 1 văn bản này như sau:

- a) ...
- b) ...
- c) ...

(Phần ghi các yêu cầu: sửa ðổi bổ sung thiết kế nút giao đầu nối, sửa ðổi, bổ sung ðầy ðủ báo hiệu đờng bộ và công trình an toàn giao thông tại nút giao đầu nối; thực hiện các thủ tục cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối trýóc khi tổ chức thi công nút giao đầu nối, thực hiện các biện pháp bảo ðảm an toàn giao thông, an toàn xây dựng khi thi công nút giao đầu nối, bảo vệ môi trường và không yêu cầu

bồi thường, hoàn trả đúng yêu cầu kỹ thuật đối với các hạng mục kết cấu hạ tầng đyờng bộ bị ảnh hưởng do thi công nút giao đầu nối, đồng thời khắc phục các tồn tại nêu quá trình khai thác sử dụng nút giao xuất hiện điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và đóng vị trí nút giao đầu nối theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).

3. Văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối có thời hạn 18 tháng, hết thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư chýa gửi hồ số đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào địa phýỡng đang khai thác hoặc có thay đổi về quy mô nút giao đầu nối thì phải thực hiện lại từ đầu thủ tục chấp thuận thiết kế nút giao..

(...2....)

Nội nhận:

NGÝỜI KÝ

-;

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-

Hýớng dẫn nội dung ghi trong văn bản

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối.

(2) Tên cơ quan chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối.

Mẫu số 03. Đơn đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 ố:/.....

, ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI
Về đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối vào Km AAA đyờng...

Kính gửi: (ghi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối)

Căn cứ Luật Đyờng bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quyết định Quy định việc quản lý đyờng đô thị, đyờng huyện, đyờng xã, đyờng thôn và Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đyờng địa phýờng đang khai thác trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Căn cứ văn bản... (ghi các văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối của cơ quan...) về việc chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km... (ghi lý trình) của tuyến đyờng..... (ghi tên, số hiệu đyờng bộ).....;

(2) đề nghị được cấp phép thi công nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km... (ghi lý trình) của tuyến đường.... (ghi tên, số hiệu đường bộ) trong thời gian thi công từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng... năm... kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quyết định này;

(2) thi công công trình nút giao: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi cơ quan quản lý đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của giấy phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác;

(2) xin cam kết thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được chấp thuận và đã được phê duyệt; tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (2) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

(...2....)

Nơi nhận:

- Nhý trên;

-

- Lýu VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGÝỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, tổ chức đề nghị (nếu có);
- (2) Tên chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép thi công nút giao đầu nối.

Mẫu số 04. Giấy phép thi công nút giao đầu nối
TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 202...

GIẤY PHÉP THI CÔNG NÚT GIAO ĐẦU NỐI

Công trình: Nút giao đầu nối.....(1).....

Lý trình:..... Đường.....

Căn cứ Luật Đờng bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quyết định Quy định việc quản lý đờng đô thị, đờng huyện, đờng xã, đờng thôn và Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đờng địa phýng đang khai thác trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Căn cứ văn bản... (ghi các văn bản chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối của cơ quan... (2)... về việc chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km... (ghi lý trình) của tuyến đờng.... (ghi tên, số hiệu đờng bộ)...;

Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của.....(3) và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

1. Cấp cho: (3)

- Địa chỉ

- Điện thoại

-

2. Được phép thi công nút giao đầu nối vào nút giao... (ghi bên trái/hoặc bên phải tuyến Km... (ghi lý trình) của đờng địa phương (ghi tên, số hiệu đờng bộ)..., theo hồ sơ thiết kế nút giao đầu nối đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận gồm các nội dung chính như sau:

a).....;

b).....;

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến người quản lý, sử dụng đờng bộ (trực tiếp quản lý tuyến đờng) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đờng bộ, pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đờng bộ khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đờng bộ;

- Sau khi nhận mặt bằng thi công, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của người quản lý, sử dụng đờng bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi

trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;

- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ;

- (các nội dung khác nếu cần thiết)

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày.../.../20...đến ngày.../...../20....

(...2....)

Nơi nhận:

-

NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi:

(1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công.

(2): Ghi tên cơ quan thẩm quyền chấp thuận thiết kế.

(3): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:07/2025/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ Thông tư số 39/2012/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kết cấu hạ tầng giao thông, công cụ hỗ trợ và chính sách ưu tiên người khuyết tật tham gia giao thông công cộng;

Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BGTVT ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng và 05 quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phụ tùng, linh kiện ô tô, mô tô, xe gắn máy;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải (tại Tờ trình số 148/TTr-SGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyên hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 02 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Tấn Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Kèm theo Quyết định số: 07/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và vận chuyển hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Quy định này không áp dụng đối với:

a) Các xe ưu tiên được quy định tại Điều 27 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

b) Xe máy thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Xe máy thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt là các loại xe được thiết kế hoặc trang bị thêm các tính năng để đáp ứng nhu cầu sử dụng cụ thể, vừa tối ưu hóa hiệu suất, vừa đảm bảo phù hợp với mục đích sử dụng đặc biệt

Chương II

QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ

Điều 4. Quy định chung về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa trong đô thị phải thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Đường bộ và thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hoạt động vận tải nội bộ gồm: hoạt động vận tải người nội bộ và hoạt động vận tải hàng hóa nội bộ được quy định tại khoản 12 Điều 56 Luật Đường bộ.

3. Phương tiện hoạt động trong đô thị phải đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 35 và khoản 1 Điều 48 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

4. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ còn phải thực hiện theo Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Điều 5. Quy định về thời gian, phạm vi hoạt động của phương tiện trong đường đô thị

1. Các phương tiện hoạt động vận tải đường bộ được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị, trừ các tuyến đường, đoạn đường có cấm biển báo cấm hoặc hạn chế loại phương tiện hoạt động; phải tuân theo tổ chức giao thông của lực lượng chức năng, chấp hành hệ thống biển báo hiệu đường bộ tại từng khu vực; trong quá trình lưu thông phải có đầy đủ giấy tờ còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp cho phương tiện theo Luật định.

2. Trong tình trạng khẩn cấp hoặc thiên tai, dịch bệnh có quy định khác thì thực hiện theo các quy định đó.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp đối với các phương tiện có quy định riêng

1. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 78/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Việc sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Phú Yên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

3. Thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Phú Yên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 77/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

4. Thời gian hoạt động đối với xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trên địa bàn tỉnh Phú Yên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Điều 7. Quy định về dừng xe, đỗ xe trong đô thị

Việc dừng xe, đỗ xe phải chấp hành đúng các quy định tại Điều 18 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Chương III

TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU ĐI LẠI CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ

Điều 8. Quy định về phương tiện vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trong đô thị

1. Ô tô khách thành phố phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 82:2019/BGTVT về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng (ban hành kèm theo Thông tư số 26/2019/TT-BGTVT ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

2. Trên xe phải trang bị dụng cụ thoát hiểm; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ).

3. Phương tiện vận tải hành khách công cộng phải đáp ứng các quy định về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải (theo Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải).

Điều 9. Tỷ lệ phương tiện đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật và lộ trình thực hiện

1. Tỷ lệ (%) phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải (sau đây gọi tắt là đơn vị vận tải) đăng ký tham gia khai thác tuyến cố định, xe buýt hoạt động trong đô thị trên địa bàn tỉnh Phú Yên phải bảo đảm có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật như sau:

a) Trong năm 2025, đạt tỷ lệ tối thiểu 10% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

b) Từ năm 2026 đến hết năm 2030, đạt tỷ lệ tối thiểu 20% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

c) Sau năm 2030, đạt tỷ lệ tối thiểu 30% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Đối với những đơn vị vận tải trúng thầu hoặc được đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phải có ít nhất 01 phương tiện trở lên đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 8 của Quy định này, sau đó phải tuân thủ lộ trình thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN LIÊN QUAN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước

1. Sở Giao thông vận tải

a) Thực hiện quản lý hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và các quy định hiện hành.

b) Phối hợp với sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai quy định này để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết, chấp hành theo quy định.

c) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải khách thực hiện chính sách ưu tiên, hỗ trợ người khuyết tật tham gia giao thông công cộng. Chỉ đạo đơn vị kinh doanh vận tải khách công cộng bằng xe buýt thực hiện đúng lộ trình trang bị thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo Điều 9 Quy định này. Thông báo kế hoạch phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị tới các đơn vị kinh doanh vận tải để thực hiện.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc cải tạo, đầu tư mới biển báo điểm dừng, nhà chờ xe buýt bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật cho người khuyết tật tiếp cận, sử dụng.

đ) Phối hợp với các ngành, lực lượng chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm của chủ xe, người điều khiển xe theo quy định của pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và Quy định này.

e) Theo dõi việc triển khai thực hiện Quy định này, tình hình hoạt động và những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết kịp thời khi có yêu cầu.

2. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, thống kê các loại phương tiện đã được đăng ký và cấp biển số (kể cả các phương tiện đã được đăng ký và cấp biển số ở các địa phương khác đang hoạt động tại tỉnh Phú Yên). Kết nối, chia sẻ thông tin cho các sở, ngành liên quan phục vụ công tác quản lý.

b) Chủ trì tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố trong công tác tổ chức giao thông, bảo đảm an toàn giao thông trong đô thị và các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn giao thông và Quy định này cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

đ) Chỉ đạo Công an các huyện, thị xã, thành phố phối hợp tổ chức rà soát, đề xuất việc cấm biển báo cấm hoặc hạn chế hoạt động đối với các phương tiện ra vào khu vực nội thành, nội thị (đặc biệt là hạn chế các phương tiện có tải trọng lớn) đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt.

3. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn các địa phương trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị, đảm bảo quỹ đất xây dựng hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

b) Hướng dẫn, triển khai việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông trong đô thị bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật cho người khuyết tật tiếp cận, sử dụng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp, tiếp nhận các đề xuất đặt hàng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến nội dung triển khai các giải pháp, các ứng dụng (app), áp dụng công nghệ vào hoạt động quản lý, vận chuyển hành khách (gọi xe, đặt vé qua ứng dụng điện thoại di động) để phục vụ công tác quản lý, giám sát, hỗ trợ vận chuyển hành khách, hàng hóa.

5. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kê khai giá dịch vụ vận tải theo quy định.

b) Phối hợp thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị quản lý, kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa trên địa bàn tỉnh, kiến nghị xử lý các vi phạm về giá theo thẩm quyền.

6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố công tác tuyên truyền về chính sách pháp luật đối với người khuyết tật. Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ người khuyết tật tham gia giao thông phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

b) Hướng dẫn, giám sát việc cấp giấy xác nhận khuyết tật; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

7. Các sở, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ theo chức năng nhiệm vụ phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Quyết định này tới các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan thực hiện mục b, d khoản 1 Điều này.

b) Căn cứ tình hình thực tế, rà soát lắp đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ, tổ chức phân luồng giao thông trong đô thị, quy định cụ thể về khung giờ cao điểm để cho các loại phương tiện hoạt động bảo đảm trật tự an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông.

c) Quy định vị trí tập kết rác thải tập trung đảm bảo thuận lợi cho việc bốc rác thải lên xe nhằm giữ gìn vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và an toàn giao thông. Quy hoạch các khu vực tập kết hàng hóa, kho bãi, đầu mối trung chuyển hàng hóa nhằm hạn chế phương tiện trọng tải lớn ra vào trung tâm đô thị.

d) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị biết và chấp hành theo quy định.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp quản lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia kinh doanh vận tải trên địa bàn, tuyên truyền đến các chủ thể kinh doanh trách nhiệm đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

e) Tổng hợp, báo cáo việc triển khai Quy định này tại địa phương và tình hình hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn về Sở Giao thông vận tải khi có yêu cầu.

g) Thực hiện việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật cho người khuyết tật tiếp cận, sử dụng.

9. Đài phát thanh và Truyền hình Phú Yên, Báo Phú Yên, các cơ quan thông tin, truyền thông

a) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức đoàn thể liên quan tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn giao thông và Quy định này cho người tham gia giao thông biết, thực hiện.

b) Tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển vận tải hành khách công cộng, lợi ích của vận tải hành khách bằng xe buýt trong đô thị để các cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí xây dựng hạ tầng kỹ thuật (biển báo điểm dừng đón trả khách, nhà chờ xe buýt) nơi có tuyến buýt đi qua, phục vụ phát triển giao thông công cộng và đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân trên địa bàn.

Điều 11. Trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách

1. Đối với phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách tuyến cố định, xe buýt đang khai thác các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 82:2019/BGTVT về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng phải bố trí nhân viên phục vụ có trách nhiệm giúp đỡ cho người khuyết tật, và các đối tượng ưu tiên khác lên xuống xe.

2. Thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé đối với người khuyết tật theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Xây dựng lộ trình cải tạo, chuyển đổi phương tiện đáp ứng các quy định tại Điều 8, Điều 9 Quyết định này.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải đường bộ phải chấp hành các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, vệ sinh môi trường, trật tự an toàn xã hội và Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:79/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 22 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi,
bổ sung trong lĩnh vực Tài chính y tế thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8
năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Quyết định 160/QĐ-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng
Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tài chính y tế
tại Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và
Thông tư 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế
thuộc phạm vi chức năng của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 15/TTr-SYT ngày 17
tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài chính y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Bảo hiểm xã hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH Y TẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 79/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế lần đầu	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo ngày ghi trên dấu công văn đến)		Không	- Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội; Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/2014 của Quốc hội	
2	Ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hằng năm	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo ngày ghi trên dấu công văn đến)		Không	sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;	Những nội dung còn lại của thủ tục thực hiện theo Quyết định 160/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tài chính y tế tại Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Thông tư 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế thuộc phạm vi chức năng của Bộ Y tế
3	Ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phạm vi chuyên môn, cấp chuyên môn kỹ thuật trong việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo ngày ghi trên dấu công văn đến)	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ công ích đến cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh, huyện	Không	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ;	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 về việc ban hành quy chế bệnh viện; Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ Y tế bãi bỏ một số nội dung trong Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện.	

2. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Giải quyết ngay sau khi xuất trình hồ sơ	Hồ sơ nộp tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	- Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế và các Bộ khác về giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. - Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với các	- Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội; Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. - Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi	Những nội dung còn lại của thủ tục thực hiện theo Quyết định 160/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tài chính y tế tại Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Thông tư 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế thuộc phạm vi chức năng của Bộ Y tế

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn quản lý thuộc phạm vi được phân quyền quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.</p>	<p>tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành Luật Bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.</p> <p>- Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 về việc ban hành quy chế bệnh viện; Thông tư số 18/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ Y tế bãi bỏ một số nội dung trong Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện.</p>	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số:47/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 16 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế
trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý
nhà nước của Sở Xây dựng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm
soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục
hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực
hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 05/TTr-SXD ngày
13/01/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh và cấp huyện trong lĩnh vực hoạt động xây dựng đã được công bố tại Quyết định 1617/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh Phú Yên.

Chi tiết danh mục thủ tục hành chính và quy trình giải quyết nội bộ có các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

1. Cập nhật và công khai thủ tục hành chính được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên theo đúng quy định.

2. Niêm yết, công khai theo quy định thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính liên quan theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định 1617/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh Phú Yên.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công thương, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Trưởng Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết số:47/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	1.0099 72	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Đối với dự án nhóm A: Không quá 35 ngày - Đối với dự án nhóm B: Không quá 25 ngày - Đối với dự án nhóm C: Không quá 15 ngày	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định phân cấp, ủy quyền và phân công	Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên; Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
							nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý	
2	1.0099 73	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I và cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy	Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương; Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
							định phân cấp, ủy quyền và phân công nhiệm vụ trong quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án do tỉnh Phú Yên quản lý	
3	1.0099 74	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	150.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/202	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
							1 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
4	1.0099 75	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	150.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 43/2021/Q	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
				hạn quy định			Đ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
5	1.009976	Cấp giấy phép di dời đổi với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	Cấp giấy phép di dời đổi với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	150.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
				ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định			- Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
6	1.0099 77	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	15.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		án).	đô thị/Dự án).	không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định			quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
7	1.009978	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov .	15.000 đồng/lần	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		không theo tuyên/Theo o giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án).	cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).		vn		thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
8	1.0099 79	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ	15.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).	tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án).		http://dichvucong.phuyen.gov.vn		một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
9	1.0099 82	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	55 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của	Sở Xây dựng
10	1.0099 83	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây						

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		dựng hạng II, hạng III					Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.	
11	1.0099 28	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III						
12	1.0099 84	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.	Sở Xây dựng
13	1.0099 85	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)						
14	1.0099 86	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây						

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		dựng hạng II, hạng III						
15	1.0099 87	Cấp chuyên đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài	Cấp chuyên đổi chứng chỉ hành nghề của cá nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư tại nước ngoài	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Xây dựng
16	1.0099 88	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý	Sở Xây dựng
17	1.0099 91	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III						
18	1.0099 36	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng						

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		II, hạng III					hoạt động xây dựng.	
19	1.0099 89	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	- 05 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 95 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ hoặc cấp lại chứng chỉ bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.	Sở Xây dựng
20	1.0099 90	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do bị ghi sai thông tin)	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	- 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp khác.				
21	1.0119 76	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính	2.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi,	Sở Xây dựng

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		nước ngoài	nước ngoài	hợp lệ	công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn		bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.	
22	1.0119 77	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	2.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.	Sở Xây dựng

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
					dichvucong .phuyen.go v.vn		số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.	
23	1.0099 94	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình, dự án; 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
							tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	
24	1.0099 95	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo theo tuyển/Theo o tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo theo tuyển/Theo o giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình, dự án; 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 43/2021/QĐ-	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		và nhà ở riêng lẻ.					UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
	1.0099 96	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình, dự án; 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định			xây dựng. - Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
26	1.0099 97	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	15.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		không theo theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định			thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
27	1.0099 98	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh gia đoạn cho công	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh gia đoạn cho công	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	15.000 đồng/lần	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.				Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
28	1.009999	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện - Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ	15.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 175/2024/	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
		ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		http://dichvucong.phuyen.gov.vn		NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Yên

PHỤ LỤC II
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THÉ TRONG LĨNH VỰC
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC CỦA SỞ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết số: 47/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

1. Thủ tục Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng /điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng – Thời gian giải quyết: 35 ngày (Dự án nhóm A); 25 ngày (Dự án nhóm B); 15 ngày (Dự án nhóm C).

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung: - Chuyên chuyên viên xử lý	Phòng chuyên môn Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng. - Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung.	Chuyên viên Lãnh đạo phòng	- 32 ngày (Dự án nhóm A) - 22 ngày (Dự án nhóm B) - 12 ngày (Dự án nhóm C)
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

2. Thủ tục Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp) – Thời gian giải quyết: 40 ngày (Công trình cấp đặc biệt, cấp I); 30 ngày (Công trình cấp II, cấp III); 20 ngày (Công trình còn lại).

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyên chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	- 37 ngày (Công trình đặc biệt, cấp I) - 27 ngày (Công trình cấp II, cấp III) - 17 ngày (Công trình còn lại)
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

3. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) – Thời gian giải quyết : 20 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ:	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
	- Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung.		
	- Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn		
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyên chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày

	chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.		
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

4. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) – Thời gian giải quyết : 20 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

5. Thủ tục Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) – Thời gian giải quyết : 20 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

	- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn		
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

6. Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) – Thời gian giải quyết : 20 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ:	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
	- Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung.		
	- Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp).		
	- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn		
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày

	thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.		
Bước 4	Cho số, vào số, phát hành văn bản. Chuyên kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

7. Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) – Thời gian giải quyết : 05 ngày làm việc

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày làm việc
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	02 ngày làm việc
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày làm việc
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Cho số, vào số, phát hành văn bản. Chuyên kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc

8. Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) – Thời gian giải quyết : 05 ngày làm việc

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc

	giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn		
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyên chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày làm việc
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	02 ngày làm việc
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày làm việc
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc

9. Thủ tục Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng – Thời gian giải quyết: 55 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận. - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyên chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	52 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày

Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

10. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng – Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận. - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày làm việc
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	07 ngày làm việc
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày làm việc
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc

11. Thủ tục Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài – Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận. - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	22 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày

	chuyên viên thi trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thi yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung		
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thi ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào số, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

12. Thủ tục Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng – Thời gian giải quyết: 20 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận. - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thi trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thi yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thi ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào số, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

13. Thủ tục Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng – Thời gian giải quyết: 05 ngày/10 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
----	----------	-------------------	---------------------

Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	02 ngày/07 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

14. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài – Thời gian giải quyết: 20 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày

Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

15. Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài – Thời gian giải quyết: 20 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

16. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. – Thời gian giải quyết: 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

	sung. - Nêu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn		
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày đối với công trình và 12 ngày đối với nhà ở riêng lẻ
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

17. Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. – Thời gian giải quyết: 20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày đối với công trình và 12 ngày đối với nhà ở riêng lẻ
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày

	chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.		
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

18. Thủ tục Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.– Thời gian giải quyết: 20 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

19. Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. – Thời gian giải quyết : 20 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

	sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn		
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	17 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày

20. Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ. – Thời gian giải quyết : 05 ngày làm việc

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày làm việc
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	02 ngày làm việc
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày làm việc

Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc

21. Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.– Thời gian giải quyết : 05 ngày làm việc

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ (đối với hồ sơ nộp trực tiếp). - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn	
	- Chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày làm việc
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	02 ngày làm việc
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày làm việc
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày làm việc
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản. Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Văn thư	1/2 ngày làm việc
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả, thu lệ phí (nếu có).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1/2 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:51/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và sửa đổi,
bổ sung giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội
bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;
Thực hiện Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của
UBND tỉnh Phú Yên về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ
thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 11/TTr-SYT ngày 15
tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 16 thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành và sửa đổi, bổ sung giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (*phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế 01 thủ tục hành chính nội bộ số 6 mục II tại Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ
NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số:51/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ			
1	Thủ tục Xét thăng hạng bác sĩ chính	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
2	Thủ tục Xét thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
3	Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
4	Thủ tục Xét thăng hạng điều dưỡng hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
5	Thủ tục Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
6	Thủ tục Xét thăng hạng Hộ sinh hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
7	Thủ tục Xét thăng hạng Hộ sinh hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
8	Thủ tục Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
9	Thủ tục Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
10	Thủ tục Xét thăng hạng dược sĩ	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
11	Thủ tục Xét thăng hạng dược sĩ chính	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
12	Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
13	Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
14	Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng III	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế
15	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng II	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế

2. Thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính sửa đổi	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục dự trữ và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế và Sở Y tế các tỉnh thành phố.	Thủ tục Duyệt dự trữ và điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	Y tế dự phòng	Sở Y tế

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**A. Thủ tục hành chính nội bộ ban hành mới****1. Thủ tục Xét thăng hạng bậc sĩ chính**

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được miễn thi			Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Có đề án, công trình	Tin học	Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

2. Thủ tục Xét thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được miễn thi		Ghi chú
									Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp p hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp p	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Có đề án, công trình	Tin học	Ngoại ngữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp y tế công cộng chính

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC:

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

đanh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;
- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Được miễn thi		Ghi chú		
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Có đề án, công trình	Tin học		Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

4. Thủ tục Xét thăng hạng điều dưỡng hạng III

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
 - Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.
 - Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.
 - Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
 - Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.
- k) Căn cứ pháp lý của TTHC*
- Luật Viên chức năm 2010;
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;
 - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
 - Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
 - Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;
 - Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;
 - Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trình	Trìn	Trìn	đề	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

5. Thủ tục Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng II

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trìn	Trìn	Trìn	Trìn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

6. Thủ tục Xét thăng hạng Hộ sinh hạng III

a) *Trình tự thực hiện*: Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện*: Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết*: Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC*: Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
 - Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.
 - Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.
 - Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
 - Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.
- k) Căn cứ pháp lý của TTHC*
- Luật Viên chức năm 2010;
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;
 - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
 - Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
 - Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;
 - Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;
 - Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trình	Trìn	Trìn	Có	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

7. Thủ tục Xét thăng hạng Hộ sinh hạng II

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trình	Trìn	Trìn	Có	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

8. Thủ tục Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng III

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
 - Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.
 - Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.
 - Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
 - Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.
- k) Căn cứ pháp lý của TTHC*
- Luật Viên chức năm 2010;
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;
 - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
 - Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
 - Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;
 - Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;
 - Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trình	Trìn	Trìn	đ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

9. Thủ tục Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng II

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

đanh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

chuyên ngành y, dược, dân số.

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên

*Mẫu số 05***TÊN ĐƠN VỊ:.....**

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trình	Trìn	Trìn	Có	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

10. Thủ tục Xét thăng hạng dược sĩ

a) *Trình tự thực hiện*: Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện*: Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*:

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết*: Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC*: Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC*: Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo

chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trình	Trìn	Trìn	đ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

11. Thủ tục Xét thăng hạng được sĩ chính

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

đanh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dýợc; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trìn	Trìn	Trìn	Trìn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

12. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng III

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
 - Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.
 - Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.
 - Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
 - Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.
- k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*
- Luật Viên chức năm 2010;
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;
 - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
 - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;
 - Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
 - Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng;
 - Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;
 - Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trìn	Trìn	Trìn	Trìn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

13. Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng II

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

đanh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trìn	Trìn	Trìn	Trìn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

14.Thủ tục Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng III

a) *Trình tự thực hiện*: Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện*: Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) *Thời gian giải quyết*: Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC*: Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC*: Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí*: Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

.....

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM

T	T	H	Ngày	Na	N	Chức	Cơ	Thời	Mức lương		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Được		Ghi
									hiện	hưởng	Hệ	Mã số	Trình	Trìn	Trình	Trìn	Trìn	Có	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

15. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng II

a) *Trình tự thực hiện:* Không quy định.

b) *Cách thức thực hiện:* Hồ sơ nộp trực tiếp.

c) *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

- Thành phần hồ sơ:

+ Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) *Thời gian giải quyết:* Không quy định.

e) *Đối tượng thực hiện TTHC:* Viên chức đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế tỉnh Phú Yên.

f) *Cơ quan giải quyết TTHC*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế hoặc Phó Trưởng phòng tổ chức cán bộ, Sở Y tế.

+ Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Giám đốc Sở Y tế quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

g) *Kết quả thực hiện TTHC:* Quyết định của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Phú Yên về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng viên chức.

h) *Phí, lệ phí:* Không quy định.

i) *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

j) *Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*

- Viên chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức

đanh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

- Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Được UBND tỉnh Phú Yên thống nhất chỉ tiêu xét thăng hạng.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số;

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số;

- Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Phú Yên.

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ:.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM**

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ:

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI
HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH
... LÊN CHỨC DANH ... NĂM**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Được miễn thi			Ghi chú	
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Có đề án, công trình	Tin học	Ngoại ngữ		Ngoại ngữ đăng ký thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung**1. Thủ tục Duyệt dự trù nhu cầu sử dụng và điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế***a) Trình tự thực hiện*

- Trường hợp 1: Duyệt dự trù thuốc Methadone

Bước 1: Trước ngày mùng 5 của các tháng 01, 4, 7 và tháng 10 hằng năm hoặc trong trường hợp đột xuất, cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone lập dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone bao gồm cả nhu cầu sử dụng thuốc của người bệnh tại các cơ sở cấp phát thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của cơ sở điều trị Methadone theo mẫu số 11 phụ lục ban hành kèm Thông tư 26/2023/TT-BYT và gửi về Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh).

Bước 2: Trước ngày 10 của tháng lập dự trù, Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) phải hoàn thành việc tổng hợp và gửi Sở Y tế bằng tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc Methadone từ các cơ sở điều trị trên địa bàn theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2023/TT-BYT, dự trù gồm 03 bản.

Bước 3: Trước ngày 15 của tháng lập dự trù, Sở Y tế duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone của các cơ sở điều trị Methadone theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2023/TT-BYT. Duyệt dự trù được lập thành 03 bản và được gửi như sau: 01 bản gửi đơn vị phân phối, 01 bản gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và 01 bản lưu tại Sở Y tế.

- Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone

Bước 1: Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) căn cứ vào bản duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tiến hành thống nhất với các cơ sở điều trị Methadone về số lượng và thời gian giao thuốc cụ thể. Việc giao thuốc phải thực hiện trước ngày 30 của tháng lập dự trù;

Bước 2: Ban hành văn bản phân bổ, điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị;

Bước 3: Báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhu cầu sử dụng thuốc Methadone về số lượng phân bổ, điều phối và thời gian giao thuốc cụ thể.

b) Cách thức thực hiện:

- Trường hợp 1: Duyệt dự trù thuốc Methadone

Nộp trực tiếp, Bưu chính công ích.

- Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone

Trực tiếp, Bưu chính công ích, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1: Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp 1: Duyệt dự trù thuốc Methadone

+ Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trù nhu cầu sử dụng thuốc methadone theo mẫu số 11, Phụ lục các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư 26/2023/TT-BYT.

+ Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone theo mẫu số 13, Phụ lục các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư 26/2023/TT-BYT).

-Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone

Văn bản phân bổ thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị

c.2: Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

-Trường hợp 1: Duyệt dự trữ thuốc Methadone

15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

-Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone

05 ngày làm việc

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

f) Cơ quan giải quyết TTHC:

-Trường hợp 1: Duyệt dự trữ thuốc Methadone

Sở Y tế Phú Yên

-Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone

Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh).

g) Kết quả thực hiện TTHC:

-Trường hợp 1: Duyệt dự trữ thuốc Methadone

Phê duyệt dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc Methadone của Sở Y tế

-Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone

Văn bản của Cơ quan đầu mối về Phòng, chống HIV/AIDS tuyến tỉnh (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) về phân bổ, điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

-Trường hợp 1: Duyệt dự trữ thuốc Methadone

Mẫu số 11, quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế.

Mẫu số 13, quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế.

-Trường hợp 2: Điều phối thuốc Methadone

Không quy định.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC

Thông tư số 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý thuốc Methadone.

Mẫu số 11. Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone

CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ THAY THẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRỮ NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC METHADONE*(từ ngày ... tháng đến ngày tháng)*

Tên cơ sở	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Tổng số	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng hao hụt	Số lượng dư thừa	Tồn kho cuối kỳ	Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị	Số lượng người bệnh dự kiến tăng thêm trong kỳ tới	Số lượng dự trữ cho kỳ tới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
.....												

Nơi nhận:

-

-

Người lập báo cáo
*(ký và ghi rõ họ tên)***Thủ trưởng đơn vị**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 13. Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc
methadone

TÊN ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRÙ NHU CẦU SỬ DỤNG
THUỐC METHADONE
(từ ngày.....tháng.....đến ngàytháng.....)

Tên đơn vị	Tên thuốc, nồng độ, Hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Tổng số	Số lượng xuất Trong kỳ	Số lượng hao hụt	Số lượng dư thừa	Tồn kho cuối kỳ	Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị	Số lượng người bệnh dự kiến tăng thêm trong kỳ tới	Số lượng dự trữ cho kỳ tới	Số lượng duyệt dự trữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng số													

Nơi nhận:

.....

Người lập báo cáo

**Lãnh đạo Cơ quan đầu mối về PC
HIV/AIDS tuyến tỉnh**

Lãnh đạo Sở Y tế

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:53/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực,
ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 09/TTr-STP ngày 14/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2024, bao gồm:

1. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2024.

2. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 53 /QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
I.1. LĨNH VỰC CÔNG AN TỈNH					
01	Quyết định	- Số 48/2021/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; - Ban hành Quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	- Điều 4 Quy chế; - Khoản 1 Điều 5 Quy chế; - Khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Quy chế; - Khoản 1 Điều 8 Quy chế; - Điều 11 Quy chế; - Điểm b khoản 1 Điều 12 Quy chế.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Yên	06/9/2024
I.2. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG					
02	Quyết định	- Số 23/2022/QĐ-UBND ngày 10/6/2022; - Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Phú Yên.	- Điểm d khoản 1 Điều 2 Quy định; - Đoạn 5 điểm c khoản 4 Điều 2 Quy định; - Đoạn 9 điểm c khoản 4 Điều 2 Quy định; - Đoạn 4 điểm 1 khoản 4 Điều 2 Quy định; - Đoạn 1 điểm a khoản 5 Điều 2 Quy định.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 58/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số	10/01/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				23/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	
			Đoạn 3 điểm g khoản 4 Điều 2 Quy định	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 58/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	10/01/2024
I.3. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI					
03	Quyết định	- Số 11/2019/QĐ-UBND ngày 14/5/2019; - Ban hành Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng và hỗ trợ giá vận chuyển phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Khoản 4 Điều 4 của Quy định	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng và hỗ trợ giá vận chuyển phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	09/01/2024
I.4. LĨNH VỰC NỘI VỤ					
04	Nghị quyết	- Số 38/2023/NQ-HĐND ngày	Quy định chức danh Phó Trưởng	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số	11/7/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		09/12/2023; - Quy định chức danh, kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức hỗ trợ và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Công an (không là Công an chính quy), Công an viên thường trực (không là Công an chính quy), Công an viên ở thôn, buôn (không là Công an chính quy) và mức phụ cấp đối với các chức danh này; đồng thời, điều chỉnh số lượng tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 2; điểm a, b khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 7 Quy định	04/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
05	Quyết định	- Số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; - Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của tỉnh Phú Yên.	- Điểm d khoản 1 Điều 4 Quy định; - Điểm c khoản 2 Điều 4 Quy định; - Điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định; - Điểm b khoản 3 Điều 9 Quy định.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	10/01/2024
I.5. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
06	Quyết định	- Số 38/2022/QĐ-UBND Ngày 07/11/2022; - Ban hành Quy định cụ thể một số chỉ tiêu,	Điểm c khoản 5, điểm b khoản 10 Điều 4 Quy định	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của	18/11/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.		UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh và Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh quy định cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh	
			Khoản 9 Điều 4 Quy định	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh và Quyết	18/11/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh quy định cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh	
I.6. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH					
07	Nghị quyết	- Số 16/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017; - Quy định nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	21/7/2024
08	Nghị quyết	- Số 11/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021; - Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025.	Điểm b, điểm d khoản 1; điểm b và điểm c khoản 2 Điều 3 Quy định	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm	21/7/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Bãi bỏ điểm e khoản 3 Điều 3 Quy định	2022 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên	21/7/2024
09	Nghị quyết	- Số 12/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; - Ban hành Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Phú Yên năm 2022.	- Khoản 2 Điều 3 Quy định; - Điểm b khoản 1 Điều 12 Quy định; - Điểm d khoản 4 Điều 12 Quy định; - Khoản 2 Điều 13 Quy định; - Khoản 1 Điều 26 Quy định.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Phú Yên năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh	21/7/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			<p>- Cụm từ “không bao gồm người làm việc theo hợp đồng 68 (trừ những người làm việc theo hợp đồng 68 của khối các cơ quan Đảng thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định này)” bằng cụm từ “không bao gồm người làm việc theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là người làm việc theo hợp đồng 111)” tại khoản 1 Điều 3 Quy định;</p> <p>- Cụm từ “hợp đồng 68” bằng cụm từ “hợp đồng 111” tại các điểm, khoản, điều sau đây: khoản 3 và điểm a khoản 6 Điều 3, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4, điểm c khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13,</p>	<p>Phú Yên</p> <p>Được thay thế bằng Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Phú Yên năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên</p>	<p>21/7/2024</p>

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			điểm a khoản 2 Điều 29 Quy định. - Cụm từ “do ngành Giáo dục cấp huyện quản lý và thực hiện” tại điểm b khoản 1 Điều 13 Quy định. - Khoản 2 Điều 2 Quy định.	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Phú Yên năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên	21/7/2024
I.7. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
10	Quyết định	- Số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; - Ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 05 năm (2020-2024).	Thay thế cụm từ “ <i>Khu tái định cư các tuyến đường ngang dự mở tại phường 9, thành phố Tuy Hòa</i> ” bằng cụm từ “ <i>Khu tái định cư các tuyến đường ngang dự mở tại phường 9 và xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa</i> ” tại khoản 119 phần A Mục I của Phụ lục 1 – “Giá đất ở tại đô thị 05 năm (2020-2024)”	Được thay thế bằng Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 05 năm (2020-2024) và Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND	12/8/2024
11	Quyết định	- Số 38/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; - Ban hành Quy chế	- Khoản 2 Điều 2 Quy chế; - Khoản 2 Điều 6 Quy chế;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 39 /2024/QĐ-UBND ngày	19/8/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1, điểm a khoản 3, điểm b khoản 7 Điều 8 Quy chế; - Khoản 1, khoản 3 Điều 10 Quy chế; - Điểm đ khoản 2 Điều 12 Quy chế; - Điểm c khoản 1 Điều 14 Quy chế; - Khoản 3 Điều 18 Quy chế; - Điều 19 Quy chế. 	05/8/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh	
I.8. LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
12	Quyết định	<ul style="list-style-type: none"> - Số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017; - Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành văn hóa, thể thao, du lịch và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 1 Quy chế; - Khoản 2 Điều 2 Quy chế; - Khoản 1, khoản 2 Điều 3 Quy chế; - Khoản 1 Điều 6 Quy chế; - Điểm g khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 7 Quy chế; - Điểm b, điểm c khoản 1, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 10 Quy chế. 	Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 12//2024/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành văn hóa, thể thao, du lịch và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên	02/4/2024
			Khoản 3 Điều 2 Quy chế	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành	02/4/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành văn hóa, thể thao, du lịch và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
			Thay thế số thứ tự khoản 4 bằng khoản 3 Điều 2 Quy chế	Được thay thế bằng Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành văn hóa, thể thao, du lịch và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên	02/4/2024
Tổng số (I): 12 văn bản					
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có					
II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có					

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 53/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ					
I.1. LĨNH VỰC CÔNG AN TỈNH					
01	Quyết định	Số 14/2019/QĐ-UBND ngày 05/6/2019	Ban hành Quy định khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người; cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên	06/9/2024
02	Quyết định	Số 04/2021/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	Ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 19/08/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Phú Yên	30/8/2024
I.2. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					
03	Nghị quyết	Số 13/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021	Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học	27/4/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
04	Quyết định	Số 24/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa để sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của UBND tỉnh quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa để sử dụng trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Phú Yên	01/4/2024
I.3. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ					
05	Quyết định	Số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015	Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Được thay thế bằng Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của UBND tỉnh ban hành	01/4/2024
06	Quyết định	Số 51/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh	Quy định xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
I.4. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI					
07	Nghị quyết	Số 155/2010/NQ-HĐND ngày 16/7/2010	Về đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên	21/7/2024
08	Nghị quyết	Số 41/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016	Chương trình việc làm tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016 - 2020	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên	21/7/2024
09	Nghị quyết	Số 19/2017/NQ-HĐND ngày	Ban hành quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024	21/7/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		21/9/2017	sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo; phương tiện nghe - xem và công tác quản lý giảm nghèo ở cấp xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	của HĐND tỉnh bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên	
10	Nghị quyết	Số 20/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017	Ban hành quy định chính sách hỗ trợ các thôn, buôn hoàn thành Chương trình 135 ở các xã đã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thôn, buôn có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao không thuộc diện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2020	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên	21/7/2024
11	Nghị quyết	Số 22/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017	Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo không có đất ở trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2020	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết 20/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành quy định chính sách hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo không có đất ở trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 - 2020	16/12/2024
12	Quyết định	Số 1908/2009/QĐ-UBND ngày 14/10/2009	Ban hành Quy chế phối hợp về công tác quản lý người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	02/4/2024
13	Quyết định	Số 845/2011/QĐ-UBND ngày	Ban hành Danh mục, chương trình khung và mức chi đào tạo		

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		01/6/2011	nghề trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng tại các cơ sở dạy nghề và mức hỗ trợ kèm nghề, truyền nghề tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh		
14	Quyết định	Số 18/2012/QĐ-UBND ngày 12/8/2012	Bổ sung Danh mục, chương trình khung và mức chi đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng tại các cơ sở dạy nghề và mức hỗ trợ kèm nghề, truyền nghề tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh		
15	Quyết định	Số 01/2012/QĐ-UBND ngày 04/01/2012	Ban hành quy chế vận động, đóng góp, quản lý và sử dụng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa tỉnh"		
16	Quyết định	Số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27/3/2015	Về việc phê duyệt danh mục, chương trình khung và định mức chi đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề, dạy nghề thường xuyên (dưới 3 tháng) tại các cơ sở dạy nghề và mức hỗ trợ kèm nghề, truyền nghề tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt danh mục, chương trình khung và định mức chi đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề, dạy nghề thường xuyên (dưới 3 tháng) tại các cơ sở dạy nghề và mức hỗ trợ kèm nghề, truyền nghề	30/12/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
17	Quyết định	Số 29/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định Số 31/2024/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Phú Yên	15/7/2024
I.5. LĨNH VỰC NGOẠI VỤ					
18	Quyết định	Số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ tỉnh Phú Yên	08/5/2024
19	Quyết định	Số 34/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	Ban hành Quy định về xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về xét, cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc tỉnh Phú Yên	02/4/2024
I.6. LĨNH VỰC NỘI VỤ					
20	Nghị quyết	Số 52/2012/NQ-HĐND ngày 14/9/2012	Quy định chế độ trợ cấp thôi việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 07/12/2024 của HĐND tỉnh quy định chế độ trợ cấp thôi việc đối với người hoạt động không chuyên	16/12/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
21	Nghị quyết	Số 02/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Ban hành quy định chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định chức danh, kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức hỗ trợ và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên	10/01/2024
22	Nghị quyết	Số 03/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, buôn, khu phố dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 19/9/2024 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	29/9/2024
23	Quyết định	Số 11/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2015	Ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, cán bộ, công chức cấp xã và các chức danh lãnh đạo quản lý doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc	Được thay thế bằng Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú	03/4/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Yên	
24	Quyết định	Số 24/2014/QĐ-UBND ngày 05/8/2014	Về việc ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị, địa phương quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, miễn nhiệm, thay thế kế toán trưởng	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ủy quyền cho Thủ trưởng các đơn vị, địa phương quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, miễn nhiệm, thay thế kế toán trưởng	08/5/2024
25	Quyết định	Số 59/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	Ban hành quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tuyển dụng, điều động, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, chế độ, chính sách và quản lý những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, sử dụng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên	10/12/2024
26	Quyết định	Số 14/2015/QĐ-UBND ngày 05/5/2015	Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, cán bộ, công chức cấp xã và các chức danh lãnh đạo quản lý doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Ủy	Được thay thế bằng Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	03/4/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			ban nhân dân tỉnh Phú Yên		
27	Quyết định	Số 18/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016	Ban hành Quy định về việc tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan nhà nước tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	12/7/2024
28	Quyết định	Số 34/2017/QĐ-UBND ngày 08/9/2017	Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quý đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	05/4/2024
29	Quyết định	Số 13/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018	Ban hành quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh	Được thay thế bằng Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	12/4/2024
30	Quyết định	Số 39/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan nhà nước tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	12/7/2024
31	Quyết định	Số 31/2020/QĐ-UBND ngày 26/10/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban	Được thay thế bằng Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	12/4/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			nhân dân tỉnh		
32	Quyết định	32/2020/QĐ-UBND ngày 02/11/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quý đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ các quyết định của Ủy ban dân nhân tỉnh Phú Yên	05/4/2024
33	Quyết định	Số 16/2021/QĐ-UBND ngày 07/6/2021	Bãi bỏ điểm c khoản 11 Điều 3 Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Được thay thế bằng Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	12/4/2024
I.7. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
34	Quyết định	Số 21/2013/QĐ-UBND ngày	Về mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình thuộc đối tượng của	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày	04/11/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		25/7/2013	Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020	24/10/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình thuộc đối tượng của Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020	
35	Quyết định	Số 10/2016/QĐ-UBND ngày 08/4/2016	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên	04/3/2024
36	Quyết định	Số 65/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018	Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác và cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên	28/10/2024
37	Quyết định	Số 23/2020/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	Ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông	10/6/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
I.8. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH					
38	Nghị quyết	Số 107/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014	Về quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh	Được thay thế bằng Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 17/04/2024 của HĐND tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Yên	27/4/2024
39	Nghị quyết	Số 108/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014	Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện	Được thay thế bằng Nghị quyết Số 14/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Yên	16/12/2024
40	Nghị quyết	Số 122/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014	Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh	Được thay thế bằng Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 17/04/2024 của HĐND tỉnh Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Yên	27/4/2024
41	Nghị quyết	Số 04/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017	Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Được thay thế bằng Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 17/04/2024 của HĐND tỉnh quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên	27/4/2024
42	Nghị	Số	Quy định mức kinh	Bị bãi bỏ bởi Nghị	21/7/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
	quyết	02/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018	phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên	quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Phú Yên năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên	
43	Nghị quyết	Số 04/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	Quy định mức phụ cấp hàng tháng cho lực lượng bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Yên	11/7/2024
44	Nghị quyết	Số 06/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023	Quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	25/12/2024
45	Nghị quyết	Số 21/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 108/2014/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm	Được thay thế bằng Nghị quyết Số 14/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh quy định	16/12/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện	mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
46	Quyết định	Số 15/2020/QĐ-UBND ngày 23/6/2020	Quy định danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản vô hình và danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Được thay thế bằng Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên	10/6/2024
47	Quyết định	Số 28/2020/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	Quy định tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác đào tạo lái xe (xe tập lái, xe sát hạch) trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên	25/11/2024
48	Quyết định	Số 47/2021/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án thuộc phạm vi tỉnh quản lý	Được thay thế bằng Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng (trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế) trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị	25/11/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
				thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên	
49	Quyết định	Số 03/2023/QĐ-UBND ngày 01/02/2023	Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động thẩm định dự thảo Bảng giá đất của Hội đồng thẩm định Bảng giá đất, phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể và Tổ giúp việc của Hội đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND tỉnh quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động thẩm định dự thảo Bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể và Tổ giúp việc của Hội đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	28/6/2024
50	Quyết định	Số 07/2023/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 15/2/2024 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2024	26/02/2024
51	Quyết định	Số 16/2023/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	Ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2023	Được thay thế bằng Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2024	01/01/2024
1.9. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
52	Quyết định	Số 42/2014/QĐ-UBND ngày 06/01/2014	Ban hành Quy định diện tích, kích thước cạnh thửa đất tối thiểu được phép tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định điều kiện và diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	20/10/2024
53	Quyết định	Số 38/2014/QĐ-UBND ngày	Ban hành Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử	Được thay thế bằng Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND	20/10/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		14/10/2014	dụng cho mỗi hộ gia đình cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Yên	ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh Ban hành Quy định các hạn mức về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
54	Quyết định	Số 05/2015/QĐ-UBND ngày 28/01/2015	Quy định hệ số quy đổi từ thể thành phẩm sang thể nguyên khai đối với các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 17 /2024/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hệ số quy đổi từ thể thành phẩm sang thể nguyên khai đối với các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên	06/5/2024
55	Quyết định	Số 38/2018/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2014 và Quy định diện tích, kích thước cạnh thửa đất tối thiểu được phép tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 06 năm 11 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định điều kiện và diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên Được thay thế bằng Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh Ban hành Quy định các hạn mức về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	20/10/2024 20/10/2024
56	Quyết định	Số 23/2019/QĐ-	Ban hành quy định thời gian, trình tự	Được thay thế bằng Quyết định số	28/11/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		UBND ngày 25/6/2019	thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực đất đai giữa các cơ quan có liên quan và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên	60/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh quy định việc phối hợp giải quyết hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
57	Quyết định	Số 25/2021/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; Quy định diện tích, kích thước cạnh thửa đất tối thiểu được phép tách thửa, hợp thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh	Được thay thế bằng Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định điều kiện và diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	20/10/2024
				Được thay thế bằng Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định các hạn mức về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	20/10/2024
58	Quyết định	Số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	25/10/2024
59	Quyết định	Số 22/2022/QĐ-UBND ngày	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 25/2021/QĐ-	Được thay thế bằng Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND	20/10/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
		09/6/2022	UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2014, Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định điều kiện và diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
				Được thay thế bằng Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định các hạn mức về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	20/10/2024
60	Quyết định	Số 36/2023/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	Quy định điều kiện, tiêu chí, quy mô và tỷ lệ để tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định các nội dung liên quan đến việc quản lý thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và tách khu đất thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên	28/11/2024
I.10. LĨNH VỰC THANH TRA					
61	Quyết định	Số 33/2015/QĐ-UBND ngày 09/09/2015	Ban hành quy định về bảo đảm an ninh, trật tự và xử lý người có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại các trụ sở và địa điểm tiếp công dân trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 61/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	10/01/2024
62	Quyết định	Số 28/2016/QĐ-UBND ngày 7/7/2016	Ban hành quy định phối hợp giải quyết các trường hợp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tập trung	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 61/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết	10/01/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
			đồng người trái quy định pháp luật tại các trụ sở cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên	định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	
63	Quyết định	Số 78/2016/QĐ-UBND ngày 07/12/2016	Sửa đổi một số điều của quy định phối hợp giải quyết các trường hợp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tập trung đồng người trái quy định pháp luật tại các trụ sở cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 61/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	10/01/2024
I.11. LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
64	Chỉ thị	Số 13/2012/CT-UBND ngày 21/6/2012	Về việc tăng cường công tác quản lý tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 26 /2024/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND tỉnh bãi bỏ Chỉ thị số 13/2012/CT-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh	20/6/2024
I.12. LĨNH VỰC VĂN PHÒNG UBND					
65	Quyết định	Số 49/2019/QĐ-UBND ngày 13/11/2019	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	28/7/2024
I.13. LĨNH VỰC XÂY DỰNG					
66	Quyết	Số	Ban hành Bảng giá	Được thay thế bằng	31/12/2024

ST T	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
	định	2047/2011/QĐ-UBND ngày 07/12/2011	cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định giá cho thuê cụ thể đối với nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
67	Quyết định	Số 04/2013/QĐ-UBND ngày 21/02/2013	Ban hành Giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại để kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định giá cho thuê cụ thể đối với nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Phú Yên	31/12/2024
68	Quyết định	Số 30/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	Ban hành Bộ đơn giá nhà, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Quy định Bộ đơn giá nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Yên	15/12/2024
69	Quyết định	Số 23/2024/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	Ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Được thay thế bằng Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh quy định khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Phú Yên	22/12/2024
Tổng số (I): 69 văn bản					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: Không có					

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2024

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ: Không có					
II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: Không có					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:78/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 22 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 08/TTr-SGTVT ngày 17/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết 02 thủ tục hành chính ban hành mới; 19 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 13 thủ tục hành chính được thay thế; 03 thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Giao thông vận tải (*Danh mục kèm theo*).

Điều 2: Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

Cập nhật, công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (*chậm nhất sau 03 ngày làm việc*

kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hổ

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 78/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

**I. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới trong lĩnh vực đường bộ
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

TT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí, giá	Tên VBQPPL quy định ban hành mới	Ghi chú
1		Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.				
2		Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	- Trường hợp cấp lại lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. - Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không có.	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

			theo quy định.				
--	--	--	----------------	--	--	--	--

II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

TT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ					
2	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Không có.	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
3	2.002287	Cấp lại Giấy phép	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể				

		kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.				
4	2.002285	Đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	- Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải tại địa chỉ https://qlvt.mt.gov.vn/			
5	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.	Không có.	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
6	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				

		định GMS					
7	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
8	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc					
9	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không có.	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
10	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia					
11	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi đề nghị đến Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn. - Thời hạn Sở Giao	- Cá nhân nộp: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ sở đào tạo lái xe; - Cơ sở đào tạo lái xe nộp: + Nộp trực tiếp tại Trung tâm	Không có.	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/202

			<p>thông vận tải tổ chức kiểm tra, đánh giá: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.</p> <p>- Thời hạn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.</p>	<p>phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p> <p>+ Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>+ Văn bản điện tử.</p>			4 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
12	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	<p>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn</p>	Không có.	<p>Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe</p>	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
13	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại	<p>- Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ</p>	Không có.	<p>Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày</p>	Những nội dung còn lại của thủ

		Giấy phép xe tập lái	định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản và cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo.	hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn		18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
14	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	- Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp lại Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không có.	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
15	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố			

				Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Văn bản điện tử.			
16	1.000004	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.			
17	1.004998	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Văn bản điện tử.	Không có.	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
18	1.004995	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính			

		sát hạch lái xe loại 3	định.	công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.			
19	1.004987	Cấp lại Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe	- Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. - Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Văn bản điện tử.	Không có.	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

III. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị thay thế	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Lệ phí (nếu có)	Tên VBQPP L quy định nội dung thay thế	Ghi chú
A. Thủ tục hành chính do Sở Giao thông vận tải thực hiện								

1	1.002877	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.			Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
	1.002869	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia						
2	1.001023	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không có.	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	
	1.010711	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia						
3	2.002288	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô)	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại	Không có.	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số

		<p>tô theo tuyến cố định, xe trung chuyên, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)</p>			<p>địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn</p>	<p>động vận tải đường bộ</p>	<p>1743/Q Đ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải</p>
	2.002289	<p>Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung</p>					

		chuyên, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)						
4	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú	Không có.	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao
	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành						

		khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia			Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn		thông vận tải
5	1.002861	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào				
	1.002859	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào					
6	1.002856	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống	Không có.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
	1.002852	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào					

					thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn			
7	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe			- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không có.	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
	1.001735	Cấp Giấy phép xe tập lái	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	- Cấp Giấy phép đào tạo: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Cấp Giấy phép xe tập lái: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.				

B. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải (thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định)

8	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nghi hiểm trên đường bộ	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại	Không có.	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số
9			Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa					

			nghi hiêm băng phương tiện thủy nội địa		địa chỉ: 206A Trần Hung Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http:// dichvuc ong.phu yen.gov. vn		hàng hóa nguy hiêm, vận chuyển hàng hóa nguy hiêm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiêm trên đường bộ	1744/Q Đ- BGTVT ngày 31/12/20 24 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
10	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiêm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiêm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hung Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp	Không có.	Nghị định số 161/2024 /NĐ-CP ngày 18/12/20 24 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiêm, vận chuyển hàng hóa nguy hiêm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1744/Q Đ- BGTVT ngày 31/12/20 24 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
11		Giấy phép	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận					

			chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép		qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết TTTC tỉnh tại địa chỉ http://dichvuc.ong.phuyen.gov.vn		giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	
12			Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ		- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.		Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
13	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	- 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Hệ thống thông tin giải quyết	Không có.		

					TTHC tỉnh tại địa chỉ http:// dichvuc ong.phu yen.gov. vn		tải vận chuyên hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	
--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

TT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1	1.010712	Ngừng hoạt động tuyến, ngừng hoạt động của phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Sở Giao thông vận tải
2	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
3	1.010710	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia		

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 78/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

1. Nhóm Thủ tục: (1) Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô; (2) Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; (3) Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi; (4) Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định; (5) Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2; (6) Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2; (7) Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên Phòng QLVTPT và NL	02 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	01 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở GTVT	½ ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			05 ngày làm việc

2. Nhóm Thủ tục: (1) Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới; (2) Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS; (3) Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia; (4) Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc; (5) Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào; (6) Gia hạn

thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia; (7) Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia; (8) Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia; (9) Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải; (10) Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia; (11) Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào; (12) Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **02** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL;	½ ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	½ ngày làm việc
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	½ ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển Văn bản đến quản trị Trang thông tin điện tử của Sở để đăng tải. - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			02 ngày làm việc

3. Nhóm Thủ tục: (1) Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng; (2) Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; (3) Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái; (4) Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận	Công chức của Sở GTVT	Ngay khi tiếp

	hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL;	01 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	½ ngày làm việc
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	½ ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			03 ngày làm việc

4. Thủ tục Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe: **07** ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

+ Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: **03** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
* Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.			
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng	Công chức của Sở GTVT tham gia tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ

	giao thông xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.		
Bước 2	- Tiến hành kiểm tra thành phần, xem xét hồ sơ (Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện)	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	01 ngày làm việc
Bước 3	Tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì Dự thảo văn bản chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do không chấp thuận.	Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	03 ngày làm việc
Bước 4	Duyệt nội dung - Dự thảo văn bản chấp thuận; - Văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do không chấp thuận.	Lãnh đạo Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	1,5 ngày làm việc
Bước 5	- Xem xét, phê duyệt văn bản chấp thuận; - Văn bản gửi tổ chức, cá nhân nêu rõ lý do không chấp thuận.	Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải (phụ trách lĩnh vực)	01 ngày làm việc
Bước 6	- Láy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc
Bước 7	Lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và trả kết quả và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			07 ngày làm việc
* Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định: Áp dụng quy trình tại Mục 3 nêu trên (Nhóm Thủ tục có thời hạn giải quyết 03 ngày làm việc)			

5. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

- Thời hạn giải quyết:
- + Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi đề nghị đến Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn (Cơ sở đào tạo thực hiện).
- + **Thời hạn Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, đánh giá: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.**
- + **Thời hạn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.**
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
------------------	--------------------	-----------------------------	---------------------

* Thời hạn Sở Giao thông vận tải			
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng Quản lý Vận tải, phương tiện và người lái xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Kiểm tra, đánh giá thực tế tại cơ sở đào tạo; - Dự thảo Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL	- Kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo 03 ngày làm việc. - Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe 1,5 ngày làm việc.
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	- Trường hợp Kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo 01 ngày làm việc. - Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe 0,5 ngày làm việc.
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	- Trường hợp Kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo 0,5 ngày làm việc. - Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe 0,5 ngày làm việc.
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			- 05 ngày làm việc; - 03 ngày làm việc.

6. Thủ tục Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo

- Thời hạn giải quyết:

+ Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

+ Thời hạn cấp lại Giấy phép: **03** ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng Quản lý Vận tải, phương tiện và người lái xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính. 	<p>Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p>	<p>Ngay khi tiếp nhận hồ sơ</p>
Bước 2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận hồ sơ và giải quyết; - Kiểm tra, đánh giá thực tế tại cơ sở đào tạo; - Dự thảo Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo. 	<p>Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo 03 ngày làm việc. - Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo 1,5 ngày làm việc.
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt 	<p>Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo 01 ngày làm việc. - Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo 0,5 ngày làm việc.
Bước 4	<ul style="list-style-type: none"> - Ký phê duyệt kết quả TTHC 	<p>Lãnh đạo Sở GTVT</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Kiểm tra thực tế tại cơ sở đào tạo 0,5

			ngày làm việc. - Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo 0,5 ngày làm việc.
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			- 05 ngày làm việc; - 03 ngày làm việc.

7. Thủ tục Cấp lại Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe

- Thời hạn giải quyết:
 - + Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.
 - + Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe: **03** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Quy trình nội bộ:
 - + Trường hợp **05** ngày làm việc: Áp dụng quy trình tại Mục 1 (Nhóm Thủ tục có thời gian giải quyết **05** ngày làm việc).
 - + Trường hợp **03** ngày làm việc: Áp dụng quy trình tại Mục 3 (Nhóm Thủ tục có thời gian giải quyết **03** ngày làm việc).

8. Thủ tục Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái

- Thời hạn giải quyết:
 - + Cấp Giấy phép đào tạo: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.
 - + Cấp Giấy phép xe tập lái: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
* Cấp Giấy phép đào tạo			
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ

	01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.		
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết. - Phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tại địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL;	06 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	02 ngày làm việc
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	01 ngày làm việc
Bước 5	- Lây số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
	Tổng thời gian giải quyết:		10 ngày làm việc
* Cấp Giấy phép xe tập lái			
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL;	¼ ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	¼ ngày làm việc
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	¼ ngày làm việc
Bước 5	- Lây số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	¼ ngày làm việc

Tổng thời gian giải quyết:		01 ngày làm việc
-----------------------------------	--	-------------------------

9. Nhóm Thủ tục: (1) Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ; (2) Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa.

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
1.	Sở Giao thông vận tải thực hiện (02 ngày)		
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ Chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái xử lý hồ sơ. Gửi bưu điện chuyển.	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Ngay khi nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; dự thảo văn bản Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm trình UBND tỉnh.	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	01 ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, xác nhận dự thảo văn bản trước khi trình Lãnh đạo Sở ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	½ ngày làm việc
Bước 4	Ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	¼ ngày làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc
2.	Văn phòng UBND tỉnh (2,5 ngày)		
Bước 6	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Giao thông vận tải; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý	Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 7	Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 8	Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập Phiếu trình xử lý công việc; lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	Phòng chuyên môn	01 ngày làm việc
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra và ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	½ ngày làm việc

Bước 11	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ TTHC cho Sở Giao thông vận tải.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
3.	Sở Giao thông vận tải thực hiện (0,5 ngày)		
Bước 12	Chuyển kết quả từ Sở Giao thông vận tải đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	Bưu điện	¼ ngày làm việc
Bước 13	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			05 ngày làm việc

10. Nhóm Thủ tục: (1) Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép; (2) Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép.

- Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
1.	Sở Giao thông vận tải thực hiện (01 ngày)		
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ Chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái xử lý hồ sơ. Gửi bưu điện chuyển.	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Ngay khi nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; dự thảo văn bản Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm trình UBND tỉnh.	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	½ ngày làm việc
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, xác nhận dự thảo văn bản trước khi trình Lãnh đạo Sở ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	¼ ngày làm việc
Bước 4	Ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	¼ ngày làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	
2.	Văn phòng UBND tỉnh (1,5 ngày)		

Bước 6	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Giao thông vận tải; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý	Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 7	Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 8	Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập Phiếu trình xử lý công việc; lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	Phòng chuyên môn	¼ ngày làm việc
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra và ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 11	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ TTHC cho Sở Giao thông vận tải.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
3.	Sở Giao thông vận tải thực hiện (0,5 ngày)		
Bước 12	Chuyển kết quả từ Sở Giao thông vận tải đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	Bưu điện	¼ ngày làm việc
Bước 13	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	¼ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			03 ngày làm việc

11. Nhóm Thủ tục: (1) Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ; (2) Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng.

- Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
1.	Sở Giao thông vận tải thực hiện (0,75 ngày)		
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ Chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái xử lý hồ sơ. Gửi bưu điện chuyển.	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Ngay khi nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, văn bản lấy ý kiến của các cơ	Chuyên viên Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	¼ ngày làm việc

	quan, đơn vị liên quan; dự thảo văn bản Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm trình UBND tỉnh.		
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, xác nhận dự thảo văn bản trước khi trình Lãnh đạo Sở ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	¼ ngày làm việc
Bước 4	Ký văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	¼ ngày làm việc
Bước 5	Vào sổ văn bản, đóng dấu, chuyển hồ sơ trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	
2.	Văn phòng UBND tỉnh (01 ngày)		
Bước 6	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho Sở Giao thông vận tải; chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh phân công xử lý	Công chức tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 7	Phân công phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 8	Phòng chuyên môn kiểm tra, xử lý hồ sơ, lập Phiếu trình xử lý công việc; lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có); trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	Phòng chuyên môn	
Bước 9	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
Bước 10	Kiểm tra và ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	
Bước 11	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả hồ sơ TTHC cho Sở Giao thông vận tải.	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	¼ ngày làm việc
3.	Sở Giao thông vận tải thực hiện (0,25 ngày)		
Bước 12	Chuyển kết quả từ Sở Giao thông vận tải đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.	Bưu điện	¼ ngày làm việc
Bước 13	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức của Sở Giao thông vận tải được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết:			02 ngày làm việc

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ YÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 07 Độc Lập, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Điện thoại: 057.3828747;

Fax: 057.3824842;

Email: congbao@phuyen.gov.vn;

Website: <http://congbao.phuyen.gov.vn>;

In tại: Trung tâm Truyền thông.